

Số: 99 /2003/QĐ-UB

Tuyên Quang, ngày 06 tháng 8 năm 2003

QUYẾT ĐỊNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
V/v ban hành Quy định về một số định mức tiền lương,
phụ cấp và kinh phí hỗ trợ cho cán bộ, đơn vị thực thi
Dự án đa dạng hóa thu nhập nông thôn tỉnh Tuyên Quang.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân (sửa đổi) ngày 21/6/1994,

Căn cứ hiệp định vay vốn 578-VN ngày 18/2/2002 giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Quỹ phát triển nông nghiệp quốc tế về Dự án đa dạng hóa thu nhập nông thôn tỉnh Tuyên Quang,

Căn cứ Quyết định số 112/2001/QĐ-BTC ngày 9/11/2001 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành một số định mức chi tiêu áp dụng cho các dự án có sử dụng nguồn vốn Hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) vay nợ,

Căn cứ thông tư số 94/1998/TC-BTC ngày 30/6/1998 của Bộ Tài chính qui định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức nhà nước đi công tác trong nước,

Xét đề nghị của Ban phối hợp thực thi dự án đa dạng hoá thu nhập nông thôn tại tờ trình số: 157/ITr-PPCU ngày 20/5/2003.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này Quy định về một số định mức tiền lương, phụ cấp và kinh phí hỗ trợ áp dụng đối với Dự án đa dạng hoá thu nhập nông thôn tỉnh Tuyên Quang (gọi tắt là Dự án RIDP).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Các ông (bà): Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Ban phối hợp thực thi dự án tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, các Quận đốc Hợp phần và Tiểu hợp phần của Dự án RIDP, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG



Hà Phúc Mịch

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ.
- Bộ Tư pháp.
- Bộ Tài chính
- Thường trực Tỉnh ủy
- Thường trực HĐND tỉnh
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các ủy viên UBND tỉnh.
- Như điều 2: Thi hành
- Chánh, phó VP và các CV: TH, TC
- Lưu VT.

Báo

cáo

QUI ĐỊNH

Về một số định mức tiền lương, phụ cấp và kinh phí
hỗ trợ cho cán bộ, đơn vị thực thi Dự án đa dạng hóa
thu nhập nông thôn tỉnh Tuyên Quang.

(Kèm theo Quyết định số: 99/2003/QĐ-UB ngày 06/8/2003 của UBND tỉnh)

CHƯƠNG I. QUI ĐỊNH CHUNG.

Điều 1. Đối tượng, phạm vi áp dụng và thời gian thực hiện dự án.

1. Đối tượng được hưởng phụ cấp theo Quy định này là thành viên Ban chỉ đạo dự án tỉnh, các cá nhân thuộc đơn vị thực thi dự án tuyến tỉnh, tuyến huyện và Chủ tịch Hội phụ nữ xã thực thi dự án (hoặc cán bộ điều phối chương trình vốn cải thiện đời sống phụ nữ xã).

2. Đối tượng được hỗ trợ kinh phí theo Quy định này bao gồm:

- Ban phát triển xã.
- Nhóm hỗ trợ quản lý vốn cải thiện đời sống phụ nữ xã.
- Ban phát triển thôn bản.
- Nhóm quản lý vốn cải thiện đời sống phụ nữ thôn bản.
- Nhóm tiết kiệm và vay vốn.

3. Đối tượng được hưởng lương theo Quy định này là cán bộ tổ chức cộng đồng xã.

4. Thời gian thực hiện dự án theo tuyên bố của Quỹ Phát triển nông nghiệp quốc tế (IFAD) như sau:

Ngày dự án có hiệu lực thi hành là ngày 21/8/2002.

Ngày kết thúc dự án sẽ là ngày 30/9/2008.

Ngày đóng vốn sẽ là ngày 31/3/2009.

Điều 2. Nguyên tắc áp dụng.

Việc chi trả lương, phụ cấp và kinh phí hỗ trợ cho cán bộ, đơn vị thực thi thuộc Dự án RIDP phải đảm bảo đúng nguyên tắc, kịp thời, đúng đối tượng và định mức theo quy định của pháp luật hiện hành, Hiệp định vay vốn số 578-VN và Quy định này.

CHƯƠNG II. MỘT SỐ QUI ĐỊNH CỤ THỂ.

Điều 3. Định mức phụ cấp, lương và hỗ trợ kinh phí.

1. Định mức phụ cấp cho cán bộ thuộc đơn vị thực thi Dự án RIDP:

1.1. Phụ cấp cho các thành viên Ban chỉ đạo dự án tỉnh (chỉ áp dụng đối với các thành viên là cán bộ tuyến tỉnh và tuyến huyện): mức phụ cấp tính bằng 20 % lương cơ bản hiện đang hưởng.

Đối với các thành viên Ban chỉ đạo dự án tỉnh, nếu kiêm nhiệm chức danh Quản đốc các đơn vị thực thi dự án RIDP tuyến tỉnh hoặc Trưởng ban chỉ đạo dự án huyện thì chỉ được hưởng phụ cấp ở một nơi có thời gian làm việc kiêm nhiệm và mức phụ cấp cao nhất.

1.2. Các đơn vị thực thi tuyến tỉnh:

- Phụ cấp cho Quản đốc các hợp phần và Quản đốc các tiểu hợp phần thực thi dự án và cán bộ chuyên trách của các đơn vị thực thi dự án: mức phụ cấp tính bằng 20 % lương cơ bản hiện đang hưởng.

- Đối với cán bộ chuyên trách dự án của Ban phối hợp thực thi dự án tỉnh (PPCU) và Ban phối hợp thực thi dự án các huyện (DPCU): được hưởng lương theo ngạch, bậc lương cơ bản hiện hưởng và phụ cấp quản lý dự án ODA theo qui định tại Quyết định số 112/2001/QĐ-BTC ngày 9/11/2001 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Đối với cán bộ Ban tài chính vi mô và kinh doanh nhỏ là cán bộ chuyên trách: Dự án trả 100 % lương theo ngạch, bậc lương cơ bản hiện hưởng và phụ cấp quản lý dự án ODA theo qui định tại Quyết định số 112/2001/QĐ-BTC ngày 9/11/2001 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

1.3. Các đơn vị thực thi dự án tuyến huyện:

- Phụ cấp trách nhiệm cho Quản đốc Ban phối hợp thực thi dự án huyện: mức phụ cấp tính bằng hệ số 0,2 mức lương tối thiểu.

- Phụ cấp cho Quản đốc các hợp phần của các đơn vị thực thi dự án: mức phụ cấp tính bằng 20 % lương cơ bản hiện đang hưởng.

Các đối tượng được hưởng phụ cấp theo quy định tại các tiết 1.1, 1.2, 1.3 Khoản 1 Điều này được hưởng phụ cấp trong thời gian tham gia thực hiện dự án kể từ khi có quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền.

1.4. Phụ cấp áp dụng đối với Chủ tịch Hội phụ nữ xã thực thi dự án (hoặc cho cán bộ điều phối chương trình vốn cải thiện đời sống phụ nữ xã): mức phụ cấp bình quân là 100.000 đồng/tháng, thời gian được hưởng kể từ khi có quyết định thành lập nhóm cải thiện đời sống phụ nữ xã đến ngày kết thúc dự án.

2. Định mức lương và phụ cấp cho cán bộ tổ chức cộng đồng như sau:

2.1. Mức lương cho cán bộ tổ chức cộng đồng là 423.000 đồng/tháng, tương đương với mức lương cán bộ thuộc 19 chức danh của UBND xã theo Thông tư liên tịch số 03/2003/TTLT-BNV-BTC ngày 17/02/2003 của Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện điều chỉnh tiền lương, phụ cấp, trợ cấp và sinh hoạt phí thuộc ngân sách Nhà nước.

Ngoài mức lương trên, cán bộ tổ chức cộng đồng được cơ quan trả lương để đóng bảo hiểm xã hội bằng 15 % mức lương, người hưởng lương phải đóng 5 % mức lương theo quy định hiện hành.

Thời gian cán bộ tổ chức cộng đồng được hưởng lương theo Quy định này là 3 năm đầu kể từ khi bắt đầu làm việc theo hợp đồng lao động.

2.2. Phụ cấp công tác phí được thực hiện theo phương thức khoán cho cán bộ tổ chức cộng đồng là 50.000 đồng/tháng.

3. Mức kinh phí hỗ trợ hàng tháng cho hoạt động của các đơn vị tuyến cơ sở (xã, thôn bản) như sau:

3.1. Tuyến xã:

3.1.a. Mỗi một Ban phát triển xã được dự án chi hỗ trợ là 250.000 đồng/tháng. Thời gian hỗ trợ kinh phí được tính từ khi có quyết định thành lập Ban phát triển xã đến ngày kết thúc dự án.

3.1.b. Mỗi một Nhóm hỗ trợ quản lý vốn cải thiện đời sống phụ nữ xã được dự án chi hỗ trợ là 166.000 đồng/tháng. Thời gian hỗ trợ kinh phí là 3 năm đầu kể từ khi có quyết định thành lập.

3.2. Tuyến thôn bản.

3.2.a. Mỗi một Ban phát triển thôn bản được dự án chi hỗ trợ là 35.000 đồng/tháng. Thời gian hỗ trợ kinh phí cho 3 năm đầu kể từ khi có quyết định thành lập.

3.2.b. Mỗi một Nhóm quản lý vốn cải thiện đời sống phụ nữ thôn được dự án chi hỗ trợ là 35.000 đồng/tháng. Thời gian hỗ trợ kinh phí cho 3 năm đầu kể từ khi có quyết định thành lập.

3.2.c. Mỗi một Nhóm tiết kiệm và vay vốn thôn bản được dự án chi hỗ trợ là 30.000 đồng/tháng. Thời gian hỗ trợ kinh phí cho 2 năm đầu kể từ khi có quyết định thành lập.

Điều 4. Nguồn Ngân sách, phương thức chi trả và nguyên tắc quản lý vốn.

1. Nguồn ngân sách chi trả lương, phụ cấp và hỗ trợ kinh phí: Kinh phí chi trả lương, phụ cấp và hỗ trợ kinh phí hoạt động cho thành viên Ban chỉ đạo dự án tỉnh, các cá nhân và đơn vị thực thi dự án RIDP được cấp phát từ ngân sách của Dự án RIDP và được lập đồng thời với kế hoạch hàng năm để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Phương thức chi trả lương, phụ cấp và hỗ trợ kinh phí hoạt động: căn cứ kế hoạch kinh phí của các đơn vị thực thi dự án tuyến tỉnh, tuyến huyện và Ban phát triển xã, kinh phí được cấp theo từng quý, chia theo tháng, các đơn vị có trách nhiệm chi trả cho các đối tượng được hưởng lương, phụ cấp và hỗ trợ kinh phí đúng Quy định này.

Ban phối hợp thực thi dự án huyện phối hợp với Ban phát triển xã chịu trách nhiệm chi trả lương, phụ cấp và khoản kinh phí hỗ trợ hoạt động cho các đối tượng ở tuyến xã và thôn bản.

3. Thủ trưởng các đơn vị thực thi dự án có trách nhiệm quản lý, sử dụng, thanh quyết toán khoản chi phụ cấp đảm bảo đúng đối tượng, đúng chế độ quản lý tài chính, chế độ kế toán theo qui định hiện hành của Nhà nước và phải chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật nếu sử dụng sai mục đích.

Điều 5. Quyết toán vốn.

Chế độ thanh toán, quyết toán kinh phí, chế độ báo cáo, chế độ kế toán phải thực hiện đúng Hiệp định vay vốn số 578-VN ký ngày 18/02/2002; Luật ngân sách nhà nước ngày 20/3/1996 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ngân sách nhà nước ngày 20/5/1998; Thông tư số 103/1998/TT - BTC

ngày 18/7/1998 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc phân cấp, lập, chấp hành và quyết toán ngân sách nhà nước; Quyết định số 999-TC/QĐ/CĐKT ngày 02/11/1996 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Hệ thống chế độ kế toán hành chính sự nghiệp và các văn bản hiện hành của Nhà nước.

CHƯƠNG III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN.

Điều 6. Giao Giám đốc Sở Tài chính – Vật giá; Giám đốc PPCU căn cứ chức năng nhiệm vụ hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra thực hiện qui định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG
CHỦ TỊCH



Hà Phúc Mịch